

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1244/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2023

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TN
CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 1244/QĐ-UBND
Ngày 14 Tháng 6 Năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 06/TTr-HĐQL ngày 22 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, và Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

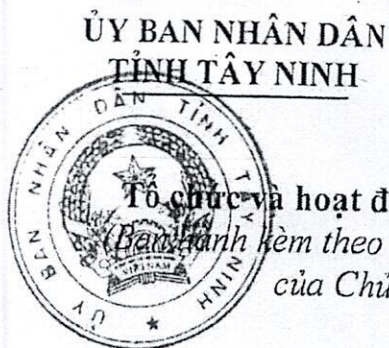
- Như Điều 3;
- Bộ TN và MT;
- TT.TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, PKT;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

3



CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh

*kèm theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, trụ sở

- Tên tiếng việt: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.
- Tên giao dịch quốc tế: Tây Ninh Environment Protection Fund
- Tên viết tắt: TEPPF
- Trụ sở: Đường 30/4, khu phố 1, phường 1, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điều 2. Hình thức tổ chức, tư cách pháp nhân

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, chịu sự quản lý trực tiếp toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; đồng thời chịu sự quản lý Nhà nước về tài chính của Sở Tài chính. Ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh quản lý.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập; được sử dụng con dấu của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh; được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh và các ngân hàng thương mại để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

1. Mục tiêu

Quỹ tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi tỉnh Tây Ninh.

Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

2. Nguyên tắc hoạt động

a) Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn Điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật về thuế và

pháp luật về ngân sách nhà nước; Quỹ quản lý, sử dụng vốn theo Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật hiện hành.

b) Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về các hoạt động tài chính của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và Kiểm toán Nhà nước.

c) Quỹ tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Ngân sách Nhà nước, và các quy định của văn bản có liên quan và quy định tại Điều lệ này.

d) Quỹ hoạt động công khai, minh bạch và bình đẳng.

Chương II

NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:

a) Vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường là 41.943.722.563 đồng (Bốn mươi một tỷ, chín trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng), tùy vào khả năng của ngân sách tỉnh để bổ sung cho Quỹ hàng năm từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản lý Quỹ đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tăng vốn điều lệ cho Quỹ Bảo vệ môi trường.

Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Quỹ đầu tư phát triển.

c) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Vốn khác gồm: Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

3. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn:

a) Ngân sách nhà nước chi sự nghiệp môi trường cấp bù kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã thực hiện hàng năm và bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ.

b) Phân trích lại từ các khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt), khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản tiền bồi thường thiệt hại về môi trường và đa dạng sinh học nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Lệ phí bán, chuyển các chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) thu được từ các dự án CDM thực hiện tại tỉnh Tây Ninh (nếu có).

đ) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các Quỹ tài chính và nguồn vốn khác dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

g) Quỹ đầu tư phát triển.

h) Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

MỤC 1

ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ TÀI CHÍNH, HÌNH THỨC HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Điều 5. Đối tượng được hỗ trợ tài chính và các hình thức hỗ trợ tài chính

1. Đối tượng được hỗ trợ từ Quỹ là tổ chức, cá nhân có các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu hoặc có mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường bằng các hình thức xử lý nước thải, khí thải và chất thải; thay đổi dây chuyền công nghệ sản xuất nhằm giảm thiểu ô nhiễm; thu gom, xử lý chất thải, tái chế chất thải hoặc phế liệu; phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường; nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng; bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án, hoạt động bảo vệ môi trường khác phù hợp với quy định của pháp luật. Đối tượng được hỗ trợ tài chính phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện đối với từng hình thức hỗ trợ quy định tại Điều lệ này.

2. Các hình thức hỗ trợ:

Quỹ hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu dưới các hình thức:

a) Cho vay với lãi suất ưu đãi.

b) Hỗ trợ lãi suất vay vốn.

c) Hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Hỗ trợ bằng công trình, trang thiết bị, tài sản, công cụ, dụng cụ cho các địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu, triển khai công nghệ mới và mô hình thu gom, vận chuyển chất thải và xử lý ô nhiễm môi trường.

- Hỗ trợ khen thưởng và các hình thức trao giải thưởng khác về bảo vệ môi trường nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Hỗ trợ thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (CDM) và biến đổi khí hậu.

đ) Tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và không trùng lặp với nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị ngành, địa phương chi hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Hợp tác với các tổ chức, các Quỹ tài chính khác để đồng tài trợ, cho vay vốn các dự án môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với tiêu chí và chức năng của Quỹ.

g) Thực hiện công tác bảo vệ môi trường khác do cấp có thẩm quyền giao.

MỤC 2

HOẠT ĐỘNG CHO VAY VỚI LÃI SUẤT ƯU ĐÃI

Điều 6. Đối tượng cho vay

Đối tượng cho vay với lãi suất ưu đãi là các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế có nhu cầu và đề nghị vay vốn để thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo khoản 1 Điều 5 Điều lệ này và Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

Điều 7. Điều kiện cho vay

1. Quỹ xem xét và quyết định cho vay khi các tổ chức, cá nhân vay vốn có đủ các điều kiện sau đây:

a) Thuộc đối tượng cho vay của Quỹ được quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

b) Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

c) Sử dụng vốn vay đúng mục đích vay.

d) Có khả năng tài chính, khả năng trả nợ đảm bảo hoàn trả được vốn vay trong thời hạn cam kết vay vốn tại Quỹ.

2. Điều kiện, thủ tục, hồ sơ vay vốn, giám sát quá trình vay vốn, trả nợ thực hiện theo quy định của Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

Điều 8. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của từng dự án vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng, nhưng không quá năm (05) năm kể cả thời gian gia hạn. Trường hợp đặc biệt thời hạn cho vay trên năm (05) năm do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay. Định kỳ hằng năm hoặc trong từng thời kỳ, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ban hành lãi suất cho vay.

2. Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc và nợ lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Điều 10. Giới hạn cho vay

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 25% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm thực hiện, trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Giới hạn cho vay đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

3. Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức cho vay đối với một dự án, công trình tối đa không vượt quá 80% tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định cho vay

1. Giám đốc Quỹ quyết định mức vốn cho vay đối với một dự án đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ trở xuống tại thời điểm cho vay.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm cho vay.

Điều 12. Bảo đảm tiền vay

1. Căn cứ vào đặc điểm của từng dự án vay vốn, Quỹ lựa chọn các biện pháp bảo đảm tiền vay như sau:

- a) Cầm cố, thế chấp tài sản của tổ chức, cá nhân xin vay vốn.
- b) Cầm cố, thế chấp bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.
- c) Bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tín dụng, hoặc bằng tài sản của bên thứ ba.
- d) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Trình tự thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan.

đ) Trường hợp cho vay không có tài sản bảo đảm (tín chấp): Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 13. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro

1. Việc phân loại nợ đối với hoạt động cho vay thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

2. Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để xử lý bù đắp các rủi ro trong các hoạt động cho vay. Tỷ lệ trích lập dự phòng tuân thủ theo quy định hiện hành của nhà nước về hoạt động cho vay. Việc trích lập dự phòng rủi ro được hạch toán vào chi phí hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

Điều 14. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Đối với các trường hợp Chủ đầu tư có dự án đầu tư được vay vốn của Quỹ gặp rủi ro do nguyên nhân chủ quan dẫn tới việc không trả nợ đúng hạn cho Quỹ thì tùy từng trường hợp cụ thể, sau khi đã áp dụng các biện pháp thu hồi nợ, Giám đốc Quỹ xem xét quyết định việc gia hạn nợ hoặc khởi kiện Chủ đầu tư ra tòa án.

2. Đối với các trường hợp khi Chủ đầu tư có dự án đầu tư được vay vốn của Quỹ gặp rủi ro từ nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì được xử lý như sau:

a) Dự án gặp rủi ro từ nguyên nhân như: thiên tai, hỏa hoạn; làm tổn thất toàn bộ hay một phần tài sản, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận mức độ thiệt hại và Chủ đầu tư không còn khả năng trả nợ hoặc giảm khả năng trả nợ, thì Chủ đầu tư sử dụng toàn bộ số tiền bảo hiểm được bồi thường từ cơ quan bảo hiểm (nếu có) để trả nợ cho Quỹ. Số nợ còn lại được xem xét gia hạn nợ, giảm hoặc miễn lãi tiền vay, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ tùy theo mức độ thiệt hại của dự án và khả năng trả nợ thực tế của Chủ đầu tư.

Giám đốc Quỹ kiểm tra, xác nhận khả năng trả nợ của Chủ đầu tư, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xóa nợ một phần hay toàn bộ nợ vay của dự án cho Chủ đầu tư.

Đối với dự án đã được quyết định xóa nợ một phần, số nợ vay còn lại có thể được Hội đồng quản lý Quỹ xem xét theo thẩm quyền để miễn, giảm lãi tiền vay hoặc gia hạn nợ, khoan nợ tùy thuộc vào khả năng trả nợ thực tế của Chủ đầu tư.

b) Dự án gặp rủi ro do chính sách Nhà nước thay đổi thì được xem xét gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ của một dự án không được vượt quá 1/3 thời hạn vay vốn ghi trong hợp đồng tín dụng. Giám đốc Quỹ quyết định việc gia hạn nợ trong khung thời gian quy định. Trường hợp đặc biệt, nếu Chủ đầu tư đề nghị gia hạn nợ vượt khung thời gian quy định, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm kiểm tra xác nhận nhu cầu gia hạn nợ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Nếu sau khi đã gia hạn nợ mà dự án vẫn tiếp tục gặp khó khăn thì được xem xét giảm hoặc miễn lãi tiền vay. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc giảm hoặc miễn lãi tiền vay trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Trường hợp đã áp dụng mọi biện pháp gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay mà Chủ đầu tư vẫn không có khả năng trả nợ, Hội đồng quản lý xem xét quyết định việc khoan nợ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

c) Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xin gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay, khoan nợ, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ nợ vay thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

MỤC 3

HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN

Điều 15. Đối tượng hỗ trợ lãi suất vay vốn

Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn là các tổ chức, cá nhân có vay vốn từ các tổ chức tín dụng để thực hiện các hoạt động về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn.

Điều 16. Điều kiện được hỗ trợ lãi suất

1. Các tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng vay vốn với tổ chức tín dụng nhưng chưa đến thời hạn thanh lý hợp đồng.

2. Dự án được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường Trung ương hoặc tỉnh Tây Ninh xác nhận đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết được các vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Dự án chưa được vay vốn hoặc tài trợ bằng nguồn vốn hoạt động từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh. Tổ chức, cá nhân có dự án bảo vệ môi trường chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất đối với số vốn vay đầu tư tại các tổ chức tín dụng trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án và không được hỗ trợ lãi suất đối với khoản nợ quá hạn.

4. Chỉ hỗ trợ lãi suất khi dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng; nợ gốc và lãi vay được hoàn trả đúng hạn cho tổ chức tín dụng.

5. Việc hỗ trợ lãi suất vay vốn không áp dụng đối với dự án đã được hưởng các chính sách ưu đãi khác về vốn của Nhà nước và các chính sách ưu đãi lãi suất hiện hành.

Điều 17. Lãi suất hỗ trợ, thẩm quyền quyết định

1. Lãi suất hỗ trợ tối đa không quá 50% lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng Chủ đầu tư đã ký với tổ chức tín dụng, đồng thời không vượt quá mức lãi suất cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh tại thời điểm ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất.

2. Hàng năm căn cứ vào kế hoạch bổ sung vốn từ ngân sách nhà nước chi cho Quỹ, và Quyết định hỗ trợ lãi suất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hỗ trợ từng đối tượng.

3. Việc cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn được tiến hành mỗi năm một lần trên cơ sở số nợ gốc và lãi vay đầu tư dự án mà các tổ chức, cá nhân đã trả cho tổ chức tín dụng trong năm đó (không bao gồm các khoản nợ quá hạn).

MỤC 4

TÀI TRỢ, ĐỒNG TÀI TRỢ

Điều 18. Tài trợ, đồng tài trợ

1. Quỹ tài trợ cho tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường sau:

- a) Phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường.
- b) Xây dựng, triển khai các chương trình, dự án nhằm vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, ứng phó biến đổi khí hậu, thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố, thảm họa môi trường gây ra.
- c) Các chương trình, kế hoạch, dự án về bảo vệ môi trường theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- d) Tổ chức các giải thưởng môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- đ) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác.

2. Quỹ phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đồng tài trợ cho các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Điều kiện để các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường được tài trợ và đồng tài trợ

- 1. Chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường phê duyệt; có tính khả thi; có hiệu quả xã hội về bảo vệ môi trường.
- 2. Hồ sơ xin tài trợ hoặc đồng tài trợ được Quỹ chấp thuận và tiến hành ký hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ.

Điều 20. Trình tự, thủ tục, tài trợ và đồng tài trợ

Trình tự, thủ tục, hồ sơ tài trợ và đồng tài trợ, giám sát quá trình tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

Điều 21. Mức tài trợ, đồng tài trợ và thẩm quyền quyết định

- 1. Mức vốn tài trợ, đồng tài trợ được quyết định đối với từng dự án cụ thể theo đề xuất của Quỹ nhưng không vượt quá nguồn vốn dành cho công tác tài trợ được bố trí trong năm.
- 2. Giám đốc Quỹ đề nghị mức tài trợ, đồng tài trợ đối với từng dự án trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

3. Quỹ được sử dụng vốn hoạt động bổ sung để tài trợ và đồng tài trợ. Việc sử dụng nguồn vốn bổ sung để tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính.

MỤC 5

NHẬN ỦY THÁC, ỦY THÁC

Điều 22. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác cho vay, thu hồi nợ và tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác.

2. Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

Điều 23. Ủy thác

1. Quỹ được ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh tổ chức quản lý điều hành hoạt động và nguồn vốn của Quỹ.

2. Quỹ trả phí dịch vụ ủy thác, mức phí được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

MỤC 6

KÝ QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 24. Ký quỹ bảo vệ môi trường

1. Quỹ nhận ký quỹ bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm phục hồi môi trường, xử lý rủi ro, nguy cơ ô nhiễm môi trường phát sinh từ hoạt động khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

2. Quỹ tiếp nhận và xác nhận bằng văn bản về việc ký quỹ của các tổ chức, cá nhân nộp ký quỹ; quản lý, sử dụng tiền ký quỹ theo đúng quy định của pháp luật; hoàn trả tiền ký quỹ và lãi suất tiền ký quỹ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đúng hạn; kiến nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về việc chậm ký quỹ.

3. Hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên môi trường về tình hình quản lý, sử dụng tiền ký quỹ.

MỤC 7

THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 25. Tham gia các chương trình, dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền

1. Quỹ được huy động các nguồn lực cần thiết để tham gia điều phối, quản lý tài chính các chương trình, dự án bảo vệ môi trường trọng điểm theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của cấp có thẩm quyền.

3. Hội đồng quản lý Quỹ chỉ đạo Giám đốc Quỹ tổ chức thực hiện các chương trình, dự án và nhiệm vụ khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của cấp có thẩm quyền.

MỤC 8

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ

1. Tiếp nhận các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, tài trợ, viện trợ, huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường theo Điều lệ của Quỹ và quy định pháp luật.

2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn của Quỹ trong quá trình triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu để đảm bảo việc sử dụng vốn của Quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng đã được cam kết trong các hợp đồng, văn bản tài liệu đã ký kết giữa các tổ chức, cá nhân này và Quỹ.

3. Rút vốn vay, đình chỉ hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ đối với các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước; khởi kiện chủ đầu tư vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Có quyền từ chối hỗ trợ tài chính nếu xét thấy trái pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật. Được sử dụng vốn nhàn rỗi của Quỹ để mua trái phiếu chính phủ, trái phiếu xanh, gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn.

Điều 27. Mời chuyên gia

Quỹ được mời các chuyên gia của các Bộ, Ban, ngành Trung ương, Sở, Ban, ngành và tổ chức có liên quan tham gia Hội đồng thẩm định các hoạt động, nhiệm vụ

và dự án bảo vệ môi trường xin tài trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư và phục vụ cho các hoạt động khác của Quỹ.

Điều 28. Hợp tác với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước

1. Quỹ được quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ.

2. Quỹ được hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), các Quỹ môi trường nước ngoài, các Quỹ môi trường ngành, địa phương để thực hiện việc đồng tài trợ, cho vay vốn đối với các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của Điều lệ này.

3. Giám đốc Quỹ quyết định việc hợp tác, tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung từ các tổ chức, cá nhân trong nước.

Việc hợp tác, tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi đã báo cáo và có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

MỤC 1

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 29. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là tổ chức cao nhất của Quỹ, quyết định chủ trương, phương hướng và các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Hội đồng quản lý Quỹ gồm 05 (năm) thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển của tỉnh kiêm Giám đốc Quỹ; Các thành viên là lãnh đạo Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định.

Các thành viên Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là 05 (năm) năm. Hết nhiệm kỳ, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại.

4. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.
 - b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhiệm công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - c) Không trung thực trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác.
 - d) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản lý được thay thế trong những trường hợp sau:
- a) Xin từ chức.
 - b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.
 - c) Không đảm bảo sức khỏe đảm nhận công việc.
 - d) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật khác liên quan.
2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.
3. Quyết định kế hoạch phát triển, định hướng các hoạt động của Quỹ.
4. Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.
5. Ban hành các văn bản quy định về Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, quy chế nghiệp vụ của Quỹ.
6. Ban hành danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi hỗ trợ của Quỹ trong từng thời kỳ; định kỳ hằng năm hoặc trong từng thời kỳ quyết định ban hành lãi suất cho vay.
7. Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về tín dụng đầu tư, Điều lệ của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.
8. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, xem xét các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát.
9. Xem xét, quyết định các báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và quyết toán hàng năm của Quỹ.
10. Hội đồng quản lý sử dụng bộ máy và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ.
11. Quyết định cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ, các hoạt động nghiệp vụ khác theo phân cấp thẩm quyền.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các Thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.
3. Ký, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.
4. Triệu tập, chủ trì và phân công thành viên Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.
5. Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.
6. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.
7. Phân cấp quản lý cho Giám đốc Quỹ về các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.
8. Chịu trách nhiệm về các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 32. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số; 06 (sáu) tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường theo đề nghị của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

Trong trường hợp Giám đốc Quỹ không phải là thành viên Hội đồng quản lý, được tham dự các kỳ họp của Hội đồng quản lý Quỹ, có quyền thảo luận và nêu ý kiến, nhưng không được biểu quyết.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi ít nhất có 3/5 Thành viên có mặt. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến tay Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chậm nhất là 01 (một) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được ghi thành biên bản. Biên bản họp là căn cứ để Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các nghị quyết và các văn bản theo quy định.

Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được trên 50% tổng số Thành viên tham dự biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

3. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân xã,

phường, thị trấn, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ không có Thành viên tham gia Hội đồng quản lý thì mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức cơ quan có liên quan tham dự phiên họp. Đại diện của các cơ quan này có quyền phát biểu nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

4. Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ có tính chất bắt buộc thi hành đối với Quỹ; giao Giám đốc Quỹ hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

5. Các Thành viên Hội đồng quản lý có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, kể cả tiền phụ cấp cho Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và bộ phận giúp việc Hội đồng quản lý được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ và theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nhà nước.

MỤC 2

BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên: Trưởng ban và 02 thành viên.

Thành viên Ban Kiểm soát là những người am hiểu về lĩnh vực môi trường, tài chính, kế toán, ngân hàng, pháp luật; hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ.

Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

b) Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm theo quy định tại Điều lệ này.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

a) Kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước và nghị quyết của Hội đồng quản lý trong hoạt động của Quỹ.

b) Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ. Định kỳ hàng quý, năm và

theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính của Quỹ khi xét thấy cần thiết để báo cáo Hội đồng quản lý, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

d) Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ, thuê chuyên gia tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

đ) Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm tư vấn và dự thảo văn bản cho Giám đốc Quỹ mời các chuyên gia chuyên ngành tham gia Hội đồng thẩm định chuyên ngành.

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản lý Quỹ giao.

3. Ban Kiểm soát hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao một cách độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về nhiệm vụ được giao.

4. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

MỤC 3

CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH NGHIỆP VỤ

Điều 34. Cơ cấu tổ chức của Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển kiêm nhiệm thực hiện việc tổ chức quản lý và điều hành hoạt động của Quỹ. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ bao gồm: Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các bộ phận nghiệp vụ của Quỹ. Các chức danh quản lý này được thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm (sử dụng bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển để quản lý).

Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và bộ phận nghiệp vụ kiêm nhiệm Quỹ Bảo vệ môi trường được hưởng lương kiêm nhiệm theo quy định.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện mọi hoạt động của cơ quan điều hành nghiệp vụ.

Điều 35. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Quỹ ở trong và ngoài nước; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ này.

2. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và trong quan hệ quốc tế liên quan đến hoạt động của Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ được Hội đồng Quản lý Quỹ đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ giao.
2. Tổ chức, điều hành hoạt động của Quỹ; quyết định các vấn đề có liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Quỹ.
3. Chủ trì xây dựng danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ, và các văn bản khác có liên quan trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.
4. Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ, các hoạt động nghiệp vụ khác theo các quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi do Chủ tịch Hội đồng quản lý phân cấp.
5. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuyên ngành để thẩm định và xét chọn các hoạt động, chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường đề nghị hỗ trợ tài chính.
6. Tiếp nhận vốn và các nguồn lực khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.
7. Được thuê tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của Quỹ.
8. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình theo quy định của pháp luật.
9. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.
10. Ban hành các văn bản quy định về:
 - a) Quy trình, quy định, hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.
 - b) Tổ chức hoạt động kiểm tra và kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật.
 - c) Chế độ lương, thưởng và phúc lợi xã hội đối với người lao động phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - d) Các văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện các quy định của Nhà nước theo thẩm quyền và các văn bản khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
11. Trình Hội đồng quản lý Quỹ: Ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ; quy định về thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm; Phê duyệt kế hoạch hoạt động, tài chính hàng năm của Quỹ và các văn bản khác theo quy định.
12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

Điều 37. Phó Giám đốc, kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ sau khi có sự thống nhất của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Phó Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn

do Giám đốc phân công phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ, trước pháp luật về phần việc được phân công hoặc ủy quyền.

3. Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Quỹ, giúp Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. Khi chưa bổ nhiệm kế toán trưởng thì Giám đốc Quỹ ra Quyết định giao nhiệm vụ kế toán, người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI CHÊNH LỆCH THU CHI TÀI CHÍNH

Điều 38. Chế độ tài chính

1. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm lập và xây dựng kế hoạch về vốn và sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính (kèm theo thuyết minh chi tiết) báo cáo Sở Tài chính.
2. Chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Sở Tài chính.
3. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Quỹ.

Điều 39. Chế độ kế toán

1. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước hạch toán độc lập. Chi phí hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ.
2. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng danh thu và tổng chi phí phát sinh trong năm.
3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch của năm đó.
4. Chế độ kế toán của Quỹ thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 40. Chế độ báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính, thống kê theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Tài chính.
2. Kết thúc năm hoạt động, Quỹ phải lập báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ do Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ lập, có ý kiến của Ban

Kiểm soát và trình Hội đồng quản lý thông qua, gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định trước ngày 31 tháng 03 của năm sau.

3. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.

Điều 41. Kiểm toán

1. Quỹ chịu sự kiểm toán của Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ tự tổ chức kiểm toán nội bộ về tài chính hoặc thuê kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

3. Kết quả kiểm toán phải được báo cáo kịp thời với Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 42. Chênh lệch thu chi và phân phối chênh lệch thu chi tài chính

1. Chênh lệch thu chi của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong năm tài chính theo quy định pháp luật.

2. Chênh lệch thu chi của Quỹ được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước nếu có; Bù đắp các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Quỹ sau khi trừ đi phần bồi thường của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

c) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi.

d) Số còn lại sau khi trích lập các quỹ trên sẽ được trích tiếp vào quỹ đầu tư phát triển.

Điều 43. Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại

1. Quỹ được phép sử dụng vốn nhàn rỗi, tiền nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường để gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo phân loại của Ngân hàng nhà nước Việt Nam nhằm mục đích bảo toàn và bù đắp chi phí quản lý cho Quỹ nhưng phải đảm bảo an toàn.

2. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành quy chế quản lý, đầu tư vốn nhàn rỗi tại các ngân hàng thương mại để Quỹ thực hiện.

Chương VI

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN CỦA QUỸ

Điều 44. Chế độ thông tin

Quỹ được trao đổi thông tin về hoạt động của Quỹ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật về thông tin và bảo mật

Điều 45. Bảo mật thông tin

1. Cán bộ, nhân viên Quỹ và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, Giám đốc quỹ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 47. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này./.